TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI** **----------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **----------**

Bản án số: 128/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16/8/2019
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B-TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hảo

Hội thẩm nhân dân : 1/ Bà Huỳnh Thị Kim Kiên.

2/ Ông Trần Văn Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp B tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16/8/2019 tại trụ sở, Tòa án ND TP B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2540/2018/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2019/ QĐXXST- HNGĐ ngày 18/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2019/ QĐST- HNGĐ ngày 17/7/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: xã (nay là Phường) A, Tp B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: xã (nay là Phường) A, Tp B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn bà Vũ Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông T xây dựng gia đình vào năm 2004 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Quá trình sống hạnh phúc thời gian đầu, tuy nhiên về sau, đến năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm không thể hàn gắn và không thể chung sống với nhau nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T không chăm lo cho cuộc sống gia đình, có mối quan hệ bất chính bên ngoà, ông T đã bỏ ra ngoài sống hơn một năm. Nay nhận thấy tình trạng hôn nhân đã trở nên trầm trọng, mục đíhc hôn nhân không đạt được, bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với ông T.

- Về con chung: ông, bà có 02 con chung là các cháu Nguyễn Vũ Minh H sinh ngày 13/12/2007 và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 19/4/2015. Nay bà H yêu cầu được nuôi cả 02 con, cháu H tùy nguyện vọng muốn sống với cha hay mẹ đều được, riêng cháu V là con gái bà không đồng ý giao cho ông T nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông Thảo cấp dưỡng nuôi con.

- Về Tài sản chung: tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: không có.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, ông Nguyễn Văn T trình bày.*

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà H xây dựng gia đình vào năm 2004 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Ông không muốn ly hôn nhưng bà H cương quyết nên ông chấp nhận.

- Về con chung: ông, bà có 02 con chung là các cháu Nguyễn Vũ Minh H sinh ngày 13/12/2007 và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 19/4/2015. Nay bà H xin ly hôn, ông T yêu cầu được nuôi một trong 02 con.

- Về Tài sản chung: có 01 lô đất không giấy tờ ở xã P, thành phố B yêu cầu chia đôi.

- Về nợ chung: không có.

Vị đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm kiểm sát việc tuân theo tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX và bà H trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị HĐXX chấp nhận đơn ly hôn của bà H, giao 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi con, bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Về Tài sản chung: bà H trình bày tự thỏa thuận, ông T yêu cầu chia nhưng không làm thủ tục yêu cầu chia tài sản và hai bên khai nợ chung không có, nên không đặt ra xem xét. Về án phí: bà H phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]Về thẩm quyền: ông Nguyễn Văn T cư trú tại xã (nay là Phường) A, Tp B, tỉnh Đồng Nai nên đơn xin ly hôn của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP B, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: bà H có đơn xin xét xử vắng măt, ông T đã được niêm yết các văn bản, quyết định tố tụng theo quy định mà vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Ông T trình bày có yêu cầu chia tài sản chung là 01 lô đất không giấy tờ ở xã P, thành phố B nhưng hết thời hạn Tòa án yêu cầu, vẫn không có đơn khởi kiện, không cung cấp chứng cứ cũng như nộp tạm ứng án phí theo quy định, không đến Tòa làm việc nên không thụ ký yêu cầu này của ông T.

[3]Về quan hệ hôn nhân:

Bà H và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện năm 2004 và đã được UBND xã P huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông T là có thật, quá trình giải quyết vụ án ông T đồng ý ly hôn, sau đó không đến Tòa làm việc tiếp nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ, thể hiện ông T không quan tâm đến việc hàn gắn cùng bà H, đồng thời vợ chồng ông bà đã ly thân, mỗi người cư ngụ tại một nơi. Tòa án đã tiến hành hòa giải thuyết phục nhưng bà H cương quyết xin ly hôn vì cho rằng không còn tình cảm với ông T. Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông T không còn, mục đích hôn nhân không đạt, yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở, nên chấp nhận.

- Về con chung: bà H và ông T có 02 con chung là các cháu Nguyễn Vũ Minh H, sinh ngày 13/12/2007 và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 19/4/2015. Bà H yêu cầu được nuôi cả 02 con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông Th yêu cầu được nuôi một trong 02 con.

Nhận thấy, cháu H có nguyện vọng được sống cung mẹ, cháu V là con gái hiện còn nhỏ giao cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp, các cháu do bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không cung cấp chứng cứ về thu nhập và điều kiện nuôi con, nghĩ nên để ổn định cuộc sống cho trẻ, giao cả hai cháu cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con bà H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về Tài sản chung: tự thỏa thuận không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: không có.

Bà H phải nộp án phí HNGĐ-ST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 203; Điều 220; Điều 227, Điều 235; Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 87, 88, 89, 91, 92, 93, 94 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: bà Vũ Thị H được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: giao con chung là 02 cháu Nguyễn Vũ Minh H, sinh ngày 13/12/2007 và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 19/4/2015 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi.

Ông T được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về Tài sản chung: tự thỏa thuận không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: không có.

Về án phí HNGĐ-ST: bà H phải nộp 300.000đ được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 009645 ngày 19/11/2018 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà H, ông T biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (2);
- VKS (2);
- THA Dân sự (1);
- Lưu (4);
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH(1);
- Đương sự (2).

Nguyễn Thị Phương Hảo